

# CHÍNH SÁCH TÀI CHÍNH – TIỀN TỆ

## *trong vai trò*

## *kích thích tăng trưởng kinh tế*

PGS., TS. HOÀNG XUÂN QUẾ

*Đại học Kinh tế Quốc dân*

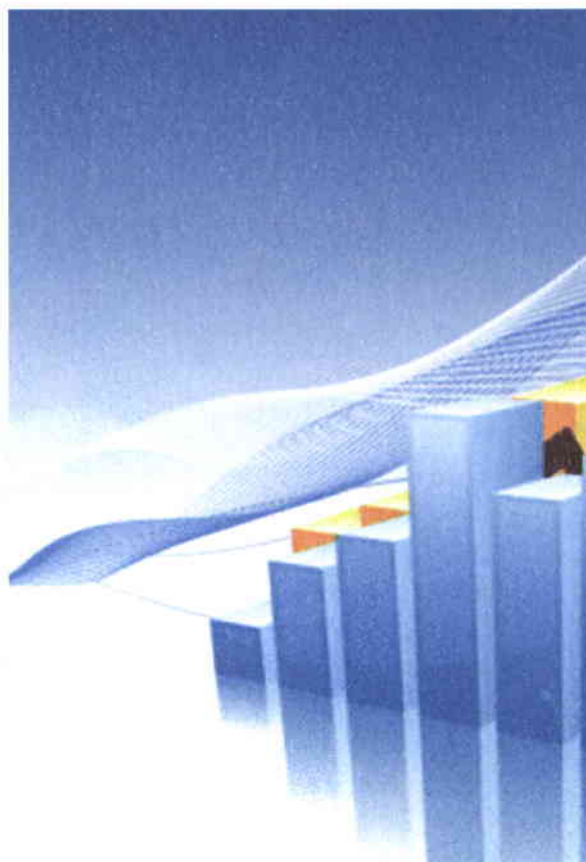
Đến nay cuộc khủng hoảng tài chính (KHTC) toàn cầu bắt nguồn từ khủng hoảng tín dụng thứ cấp nhà ở tại Mỹ đã diễn ra hơn một năm. Trong hơn một năm qua, chúng ta đã thấy rất rõ tác động lớn của cuộc khủng hoảng này đến kinh tế hàng loạt quốc gia trên thế giới: thị trường tài chính sụt giảm, tỷ lệ thất nghiệp gia tăng cao, chỉ số sức mua trên thị trường xuống mức thấp kỷ lục, hơn 140 ngân hàng tại Mỹ đã phải đóng cửa. Để chống lại tác động tiêu cực của khủng hoảng, các nước thực hiện với nhiều giải pháp mạnh mẽ, đồng bộ và với các phương thức phù hợp. Trong số đó nổi lên là chính sách tài chính (CSTC) nới lỏng phù hợp, bơm tiền vào hệ thống ngân hàng, cắt giảm thuế, trợ cấp cho người thu nhập thấp, tăng sức mua trên thị trường xã hội. Đến nay nhiều nền kinh tế lớn đã vượt qua đáy của cuộc khủng hoảng và bắt đầu có xu hướng phục hồi. Mức tăng trưởng chung của 16 nước thành viên nhóm sử dụng đồng Euro (Euro Zone) trong quý III/2009 là 0,4%, trong khi mức tăng trưởng

chung của cả khối EU là 0,2%. Mức tăng trưởng này được đánh giá là đã đưa khu vực các nước thuộc EU ra khỏi giai đoạn suy giảm kinh tế tồi tệ nhất kể từ chiến tranh thế giới lần thứ hai đến nay. Nhật Bản, nền kinh tế lớn thứ hai trên thế giới cũng có mức tăng trưởng 1,9% trong quý III/2009 và tăng 4,2% so với cùng kỳ năm ngoái. Đây là mức tăng trưởng cao nhất của nền kinh tế Nhật Bản trong hai năm rưỡi qua. Kinh tế Mỹ và một số nền kinh tế lớn khác đã có tăng trưởng sau giai đoạn suy thoái. Cuối tháng 11/2009, Cục Dự trữ Liên bang

Mỹ nâng mức dự báo tăng trưởng nền kinh tế nước này trong năm 2010 từ 2,1% - 3,2% trước đó lên mức 2,5% - 3,5%; tỷ lệ thất nghiệp sẽ giảm từ con số 10,2% thời điểm đầu tháng 10/2009 xuống còn 9,3% - 9,7% trong năm tới. Tuy nhiên hầu hết các nước công nghiệp phát triển, các nước G 20 và kể cả các nước thành viên APEC đều nhất trí tiếp tục các biện pháp kích thích kinh tế, tuy quy mô và phạm vi có được điều chỉnh so với thời gian qua.

Tại nước ta, hệ thống ngân hàng, các định chế tài chính, thị trường chứng khoán (TTCK) tuy không bị ảnh hưởng trực tiếp của cuộc KHTC toàn cầu, nhưng nhiều chỉ tiêu kinh tế vĩ mô bị giảm sút. Đặc biệt là tốc độ tăng trưởng kinh tế, kim ngạch xuất khẩu, thu hút vốn đầu tư nước ngoài, khách quốc tế, kiều hối,... đều thấp hơn cùng kỳ một số năm gần đây. Tỷ lệ bội chi ngân sách tăng cao, nhập siêu ở mức độ lớn, nợ của Chính phủ gia tăng. Những diễn biến đó tác động đến hoạt động ngân hàng và đòi hỏi việc điều hành chính sách tiền tệ (CSTT), CSTC cũng như quản trị kinh doanh của các định chế tài chính,





như: ngân hàng thương mại (NHTM), công ty chứng khoán, công ty bảo hiểm, công ty tài chính, quỹ đầu tư,... phải chủ động, linh hoạt thích ứng và điều chỉnh kịp thời.

Trước tình hình nói trên, Chính phủ Việt Nam cũng đã áp dụng nhiều giải pháp kích cầu, chống suy giảm kinh tế, bảo đảm an sinh xã hội, đến nay được đánh giá là đã đạt những thành công quan trọng. Kết thúc năm 2009, GDP đạt mức tăng 5,2%, lạm phát 6,88%.

**CSTC quốc gia được thực hiện thông qua các nhóm giải pháp cụ thể sau đây:**

*Một là*, ngay từ đầu tháng 2-2009, ngành thuế tập trung xử lý việc giảm 30% số thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) phải nộp của quý IV/2008 và số thuế TNDN phải nộp năm 2009, giãn nộp thuế TNDN trong thời gian 9 tháng đối với thuế TNDN từ hoạt động sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Theo tính toán của Bộ Tài chính, tổng số tiền thuế TNDN mà doanh nghiệp nhỏ và vừa được giảm, giãn nộp lên đến 9.900 tỷ đồng. Cụ thể các doanh nghiệp nhỏ và vừa được giảm 30% số thuế TNDN phải nộp trong quý IV/2008 và cả năm 2009 tương đương 3.100 tỷ đồng. Các doanh nghiệp nhỏ và vừa cũng được giãn nộp 70% tổng số thuế TNDN với thời gian là 9 tháng trong năm 2009, với tổng số tiền là 6.800 tỷ đồng. Đó là chưa kể số thuế miễn nộp,... đối với thuế thu nhập cá nhân, mà con số thực tế không phải là nhỏ.

*Hai là*, giảm 50% thuế giá trị gia tăng cho 19 nhóm mặt hàng, dịch vụ. Tiếp đến, từ tháng 5 đến hết tháng 12/2009, thực hiện

giảm 50% mức thu lệ phí trước bạ đối với ô tô loại dưới 10 chỗ ngồi; cho phép kéo dài thời hạn nộp thuế giá trị gia tăng đến 180 ngày đối với một số loại máy móc thiết bị cần được khuyến khích.

*Ba là*, hỗ trợ lương thực, giống cây trồng, vật nuôi, chi phí sửa chữa nhà ở, phòng trừ dịch bệnh, bảo đảm không để tình trạng người dân bị đói và nhanh chóng khôi phục sản xuất sau lũ lụt.

*Bốn là*, tăng thêm dự trữ quốc gia về lương thực, thực hiện các chương trình giảm nghèo; tăng nguồn vốn cấp cho ngân hàng chính sách xã hội để tăng cường cho vay theo các chương trình khác nhau... Theo đó kế hoạch nguồn vốn được bố trí tăng thêm đối với ngân hàng chính sách xã hội trong năm 2009 chỉ là 13.000 tỷ đồng, trong đó cho vay hộ nghèo tăng thêm 4.000 tỷ đồng, tương ứng với mức tăng 16%, cho vay vốn học sinh, sinh viên tăng thêm 7.000 tỷ đồng và chương trình khác là 2.000 tỷ đồng.

*Năm là*, hỗ trợ tiền cho hộ gia đình nghèo ăn Tết Nguyên Đán Kỷ Sửu để góp phần giải quyết an sinh xã hội. Tổng số tiền chi cho chương trình này lên tới 1.700 tỷ đồng.

*Sáu là*, ngày 23/2/2009, Thủ tướng Chính phủ có quyết định số 30/2009/QĐ-TTg về việc hỗ trợ người lao động mất việc làm trong các doanh nghiệp gặp khó khăn do suy giảm kinh tế. Theo đó Ngân hàng Phát triển Việt Nam

được chỉ định đứng ra cho vay với thời hạn 12 tháng đối với các doanh nghiệp gặp khó khăn do suy giảm kinh tế phải giảm hơn 30% lao động hiện có, hoặc giảm trên 100 lao động (không kể lao động thời vụ) với lãi suất 0% để chi trả cho người lao động. Người lao động bị mất việc do chủ doanh nghiệp bỏ trốn và người đi xuất khẩu lao động phải về nước trước thời hạn được vay vốn từ ngân hàng chính sách xã hội.

*Bảy là*, tại Quyết định số 14/2009/QĐ-TTg, ngày 24/01/2009, đó là giao cho Ngân hàng Phát triển Việt Nam thực hiện nhiệm vụ bảo lãnh tín dụng đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa vay vốn NHTM. Theo đó các doanh nghiệp, kể cả hợp tác xã, có vốn điều lệ tối đa 20 tỷ đồng, tối đa 500 lao động được bảo lãnh vay vốn cho sản xuất kinh doanh, với quy mô dự án tối thiểu 100 triệu đồng. Cuối tháng 4/2009, Thủ



tướng Chính phủ ban hành quyết định bổ sung đối tượng được bảo lãnh, theo đó mở rộng thêm tới các doanh nghiệp sử dụng dưới 1.000 lao động; những doanh nghiệp vay vốn để thực hiện dự án xây dựng nhà ở bán cho người có thu nhập thấp, nhà cho công nhân và sinh viên thuê, xây dựng nghĩa trang. Đến hết năm 2009 có khoảng 30 NHTM đã ký kết thoả thuận hợp tác về cấp tín dụng và bảo lãnh tín dụng với Ngân hàng Phát triển Việt Nam.

*Tám là*, một số địa phương chủ động đưa ra chương trình cụ thể như Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh. Thành phố Hồ Chí Minh dự kiến bố trí khoảng 20.000 tỷ đồng và ngân sách thành phố Hà Nội bố trí trên 18.220 tỷ đồng cho chương trình kích cầu theo các hướng tăng cường đầu tư cho các dự án của thành phố, hỗ trợ trực tiếp cho doanh nghiệp,... Đối với thành

phố Hồ Chí Minh, nguồn vốn cho chương trình kích cầu là từ phát hành trái phiếu đô thị, nguồn thu ngân sách vượt kế hoạch năm 2008 được trung ương cho phép để lại, Quỹ phát triển đô thị và vốn kích cầu của Chính phủ. Đối với thành phố Hà Nội, kế hoạch hơn 18.000 tỷ đồng dự kiến đầu tư 2.000 tỷ đồng cho một số dự án kỷ niệm 1.000 năm Thăng Long, 800 tỷ đồng đầu tư cho các dự án hạ tầng xã hội, như 600 tỷ đồng cho dự án xây dựng trường học, xóa phòng học tạm và 200 tỷ đồng cho dự án xây dựng bệnh viện, trạm y tế;

200 tỷ đồng cho dự án xây dựng nhà ở xã hội cho công nhân khu công nghiệp, nhà tái định cư, nhà ở dột nát. Bên cạnh đó các dự án đầu tư theo hình thức BT, BOT và xã hội hóa đầu tư trên địa bàn thủ đô sẽ được phân bổ 6.300 tỷ đồng. Các dự án xây dựng hạ tầng khu đô thị, nhất là giao thông được bố trí 1.800 tỷ đồng. Các dự án xây dựng hạ tầng nông nghiệp – nông thôn được đầu tư 5.000 tỷ đồng.

**CSTT – cho vay vốn hỗ trợ lãi suất mà nguồn cấp bù lãi suất thực chất là từ ngân sách nhà nước bao gồm:**

*Một là*, các NHTM tập trung thực hiện chính sách cho vay ngắn hạn hỗ trợ 4%/năm mức lãi suất nội tệ, tính đến hết tháng 12/2009 trong cả nước đạt dư nợ khoảng 450.000 tỷ đồng. Như vậy, đến hết năm 2009 sẽ không đạt mức trên 600.000 tỷ đồng như dự kiến ban đầu. Cũng đến

hết năm 2009, Chính phủ quyết định cho chấm dứt chương trình này. Tuy nhiên với kết quả cho vay nói trên là cố gắng lớn của NHTM trong việc triển khai kịp thời chủ trương của Chính phủ. Đồng thời kết quả đó cũng đã có ý nghĩa rất quan trọng trong việc tạo điều kiện cho nhiều doanh nghiệp, nhiều hộ sản xuất khôi phục các hoạt động kinh doanh, thu hút người lao động quay trở lại làm việc, duy trì sản xuất và đảm bảo thu nhập...

*Hai là*, chính sách hỗ trợ 4%/năm mức lãi suất vốn vay ngân hàng cho tất cả các tổ chức, cá nhân trực tiếp sản xuất khi mua các loại máy móc, thiết bị cơ khí, phương tiện chế biến sản xuất trong nước và máy vi tính phục vụ cho sản xuất, hiện đại hóa nông nghiệp – nông thôn, mua vật liệu xây dựng nhà ở tại nông thôn, theo Quyết định số 497/QĐ-TTg. Chính sách này thực hiện đối với các hợp đồng vay vốn phát sinh từ tháng 5/2009 đến hết tháng 12/2009, thời hạn hỗ trợ lãi suất từ 12 tháng đến 24 tháng. Như vậy chính sách này cũng kết thúc vào cuối năm 2009.

*Ba là*, chính sách hỗ trợ 4% năm sau đó giảm còn 2%/năm mức lãi suất cho các tổ chức, cá nhân vay vốn trung, dài hạn bằng Đồng Việt Nam của các tổ chức tín dụng để khách hàng thực hiện đầu tư mới phát triển sản xuất kinh doanh, kết cấu hạ tầng theo Quyết định số 434/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ kéo dài 24 tháng kể từ ngày 1/4/2009 sẽ kết thúc vào ngày 31/12/2011.

*Bốn là*, chính sách hỗ trợ lãi suất 4%/năm đối với các khoản vay trên 4%/năm; hỗ trợ 0% đối

với các khoản vay có lãi suất bằng và nhỏ hơn 4%/năm, đối với các khoản vay của người nghèo và đối tượng chính sách tại ngân hàng chính sách xã hội, theo Quyết định số 579/QĐ-TTg, ngày 6/5/2009 của Thủ tướng Chính phủ. Chính sách này bắt đầu thực hiện từ 1/5/2009, với thời hạn là 24 tháng, như vậy sẽ kết thúc vào đầu năm 2012.

Chương trình miễn thuế thu nhập cá nhân cũng đã kết thúc vào ngày 30/6/2009 và từ ngày 1/7/2009 thuế thu nhập cá nhân được thực hiện lại bình thường. Đối với chính sách giảm và gia hạn nộp thuế TNDN, giảm 50% thuế giá trị gia tăng đối với 19 nhóm hàng hóa và dịch vụ thực hiện từ ngày 1/2 cũng kết thúc vào ngày 31/12/2009. Chính sách miễn giảm 50% thuế trước bạ đối với ô tô con được thực hiện từ ngày 1/5/2009 cũng kết thúc vào ngày 31/12/2009.

Hiện nay, nền kinh tế đã có những chuyển biến và diễn biến tích cực nên Chính phủ đã có

chủ trương chuyển từ chính sách kích cầu tiêu dùng và kích cầu đầu tư sang thực hiện các giải pháp kích thích tăng trưởng kinh tế, tập trung vẫn là CSTC – CSTT. Song một loạt vấn đề được đặt ra cần chủ động về cả nhận thức và xây dựng CSTC – CSTT, đề ra giải pháp đối với nền kinh tế sau giai đoạn suy giảm. Trong số đó có thể kể đến một số vấn đề cần chú ý sau đây:

– Khả năng lạm phát sẽ quay trở lại do tác động của chính sách kích cầu tiêu dùng, kích cầu đầu tư trong nền kinh tế nếu không được kiểm soát tốt, dư nợ cho vay của hệ thống ngân hàng tăng cao so với dự kiến và so với mục tiêu đề ra. Đặc biệt là hiệu quả sử dụng vốn, hiệu quả sản xuất kinh doanh của các tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước. Một số tập đoàn, tổng công ty đang phát sinh nợ quá hạn NHTM với con số đáng quan tâm, điển hình là Vinashin, Cienco 1,.... Bên cạnh đó dư nợ cho vay nói chung đối với nền kinh tế của hệ thống

Quốc hội thông qua Nghị quyết mức 6,2%. Đó là chưa tính tới khoản chi từ nguồn trái phiếu Chính phủ. Bên cạnh đó nợ Chính phủ năm 2008 ở mức 35,5% so với GDP, năm 2009 ước tính khoảng 40% GDP và năm 2010 tới khoảng 44%.

– Sức ép tăng lãi suất trên thị trường rất lớn. Đến cuối tháng 12-2009, hầu hết các NHTM đã tăng lãi suất huy động vốn nội tệ lên kịch trần thỏa thuận giữa các NHTM hội viên là 10,49%/năm và có khoảng cách rất gần với giới hạn tối đa về lãi suất cho vay theo quy định của NHNN là 12%/năm (không quá 150% so với lãi suất cơ bản. Nhiều NHTM đã tăng lãi suất cho vay thỏa thuận bằng Đồng Việt Nam lên tới 18 – 19%/năm, gần tương đương với mức lãi suất cho vay thời kỳ khủng hoảng thanh khoản của NHTM trong năm 2008. Tình hình đó tạo áp lực tăng chi phí đầu vào của doanh nghiệp, người sản xuất kinh doanh, tăng giá bán và tăng mặt bằng giá trong nền kinh tế, tạo áp lực gia tăng lạm phát.

– Tỷ giá Đồng Việt Nam so với USD trong năm 2009 đã tăng khá nhanh. Tỷ giá VND/USD tháng 12/2009 so với tháng 12/2008 tăng tới 10,70%. Sự biến động đó gây tác động nhiều chiều đến nền kinh tế. Cụ thể là phần nào góp phần tác động tích cực đến xuất khẩu, nhưng giá hàng nhập khẩu tính ra Đồng Việt Nam tăng mạnh, giá bán các mặt hàng nhập khẩu hay linh kiện và thiết bị nhập ngoại tăng lên, điển hình là giá vàng, giá bán lẻ xăng dầu, ô tô, thiết bị điện tử, vi tính, văn phòng và điện lạnh, thiết bị viễn thông, hóa chất, thuốc chữa bệnh và thiết bị y tế,



nguyên liệu dệt may và nguyên liệu mặt hàng giày da xuất khẩu, phôi thép, thiết bị điện.... Nợ nước ngoài cũng tăng, kể cả nợ của Chính phủ và nợ của doanh nghiệp. Tất cả những diễn biến đó tác động lên mặt bằng giá chung trên thị trường. Đồng thời tác động lên tình trạng đô la hóa trong nền kinh tế. Bởi vậy, tỷ giá vẫn là vấn đề thu hút sự quan tâm lớn của dư luận.

– Sự biến động của TTCK và thị trường bất động sản. TTCK trời sạt bất thường. Đặc biệt là sự tăng trưởng nóng của thị trường nhà đất ở Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh kể từ cuối tháng 10/2009. Đồng thời thị trường vàng cũng tăng trưởng nóng. Đến cuối tháng 11/2009, giá nhà đất của một số khu đô thị phía Tây Hà Nội tăng gấp khoảng 2 lần so với đầu năm. Bên cạnh đó giá nhóm hàng vật liệu xây dựng và nhà ở tính bình quân tháng 12/2009 tăng 12,58% so với tháng 12/2008. Giá vàng liên tục bứt phá lên mức cao nhất từ trước đến nay, ngày 11/11/2009, có thời điểm tăng lên tới 2,9 triệu đồng/lượng và đến cuối tháng 11/2009 dao động quanh mức 2,65 – 2,85 triệu đồng/lượng. Giá vàng tháng 12/2009 tăng tới 64,32% so với tháng 12/2008. Tình hình đó một mặt tác động lên mặt bằng giá tiêu dùng chung trong cả nước, tác động lên lạm phát. Mặt khác một loạt câu hỏi được đặt ra là vốn tín dụng ngân hàng bị thu hút bao nhiêu sang đầu tư vào 3 thị trường có nhiều rủi ro đó.

– Những vấn đề khác về CSTT, CSTC, chính sách thương mại, xuất nhập khẩu, thu hút đầu tư nước ngoài cũng còn nhiều nội dung cần tháo gỡ.... Đặc biệt là

chính sách giảm nhập siêu, giảm thâm hụt cán cân vãng lai, giảm thâm hụt ngân sách, chính sách thuế nhập khẩu mặt hàng ô tô,... Thêm vào đó là các dự án lớn có hoàn thành dứt điểm, đúng tiến độ hay không, vốn đầu tư phát sinh bao nhiêu so với dự toán ban đầu.

**Những phân tích trên đòi hỏi phải có những giải pháp thích hợp về:**

– Thực hiện mục tiêu vừa thúc đẩy tăng trưởng kinh tế bền vững vừa chủ động kiểm chế lạm phát trong điều hành CSTT và CSTC. Việc hãm tín dụng lại có thể góp phần kiểm chế lạm phát, nhưng sẽ ảnh hưởng đến mục tiêu kích thích nền kinh tế, đạt được mục tiêu tăng trưởng được Quốc hội thông qua là 6,5% trong năm 2010. Song, nếu thực hiện CSTC và CSTT nới lỏng, đầu tư vốn thiếu hiệu quả và kiểm soát không tốt, sẽ ảnh hưởng đến mục tiêu kiểm chế lạm phát. Theo tác giả bài viết, Việt Nam trong giai đoạn hiện nay cần ưu tiên cho kích thích tăng trưởng kinh tế, kết hợp với việc kiểm soát chặt chẽ hiệu quả vốn cho vay của các NHTM cũng như vốn đầu tư có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước. Tốc độ tăng trưởng dư nợ cho vay của hệ thống ngân hàng chỉ nên coi là chỉ tiêu định hướng, mà vấn đề cơ bản nhất là phải dựa trên cơ sở các dự án, phương án xuất khẩu, sản xuất kinh doanh có hiệu quả của các đối tượng



khách hàng. Bên cạnh đó cần đổi mới phương pháp tính lạm phát phù hợp với thông lệ quốc tế. Trên cơ sở đó trong phân tích diễn biến chỉ số CPI có thể thấy rõ đâu là nguyên nhân từ tiền tệ, từ mở rộng tín dụng, từ thực hiện chính sách tài khóa và đâu là nguyên nhân của biến động giá các mặt hàng quan trọng trên thị trường quốc tế, do quản lý giá cả, để giảm sức ép dư luận lên điều hành CSTT và CSTC.

– Có lộ trình thực hiện lãi suất thích hợp để đảm bảo hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, của khách hàng vay vốn tại các TCTD. Nhưng mặt khác bảo đảm huy động được vốn trong xã hội và hệ thống ngân hàng và không duy trì quá lâu cơ chế “bao cấp” qua hỗ trợ lãi suất, làm gia tăng thêm nguy cơ thâm hụt ngân sách nhà nước. Nguyên tắc chung là cần kết hợp hài hòa hay cân bằng lợi ích giữa người gửi tiền và vay vốn. Hay nói cách khác vừa huy động được vốn trong xã hội vào hệ thống

ngân hàng để cho vay; nhưng mặt khác lãi suất cho vay phải đảm bảo được sức chịu đựng của doanh nghiệp, của người vay vốn. Việc tăng lãi suất lên cao có thể sẽ tác động phần nào đến khả năng huy động vốn, song bên cạnh việc gây khó khăn cho khách hàng vay vốn thì còn tác động đến mặt bằng giá trong nước. Bởi vậy nên ổn định các loại lãi suất chủ đạo của Ngân hàng Nhà nước (NHNN), trên cơ sở đó ổn định lãi suất cho vay của các NHTM, nhưng cũng phải linh hoạt nhất định. Từ tháng 12/2009, lãi suất cơ bản do NHNN công bố tăng từ 7%/năm lên 8%; Lãi suất tái cấp vốn cũng được điều chỉnh lên 8%/năm; lãi suất tái chiết khấu điều chỉnh lên 6,0%/năm và lãi suất cho vay qua đêm trong thanh toán điện tử liên ngân hàng và cho vay bù đắp thiếu hụt trong thanh toán bù trừ của NHNN đối với các ngân hàng lên 8%/năm. Các quyết định đó của NHNN bên cạnh mặt tác động tích cực thì cũng làm cho mặt bằng lãi suất trong nền kinh tế tăng lên, tác động làm tăng mặt bằng giá trên thị trường xã hội, tác động nhất định lên CSTC. Do vậy NHNN cần có biện pháp quản lý chặt chẽ lãi suất cho vay thỏa thuận, không nên để song hành hai hệ thống lãi suất cho vay trong nền kinh tế: lãi suất cho vay không vượt quá 150% so với lãi suất cơ bản và lãi suất thỏa thuận không có sự ràng buộc hay cơ chế quản lý nào! Bên cạnh đó tỷ lệ dự trữ bắt buộc nên giảm để hỗ trợ cho các NHTM không tạo áp lực tăng lãi suất cho vay vốn trên thị trường và không gặp khó khăn về năng lực tài chính trong điều kiện khoảng

cách chênh lệch giữa lãi suất cho vay và lãi suất huy động vốn bình quân của NHTM ngày càng thu hẹp. Nếu không thì NHNN cũng nên ổn định tỷ lệ dự trữ bắt buộc. Về phía các NHTM cũng cần tiếp tục đổi mới mạnh mẽ hơn nữa, đa dạng các sản phẩm dịch vụ, đổi mới hoạt động giao dịch, hiện đại hóa công nghệ,... tạo điều kiện thu hút vốn có hiệu quả từ xã hội vào NHTM, thay cho phương thức truyền thống, “cổ điển” là chạy đua tăng lãi suất huy động vốn.

– Chính sách quản lý ngoại hối và điều hành tỷ giá thích ứng với diễn biến trong tình hình mới theo mục tiêu đã định. Cần chủ động hơn trong can thiệp thị trường ngoại tệ cũng như các biện pháp kỹ thuật khác trong điều hành tỷ giá. Đặc biệt là thu hẹp khoảng cách giữa tỷ giá chính thức, tức là tỷ giá mua bán của NHTM với khách hàng và tỷ giá trên thị trường tự do. Theo hướng này từ ngày 26/11/2009, tỷ giá bình quân liên ngân hàng do NHNN công bố đã tăng 5,4% so với trước đó. Đồng thời biên độ giao dịch tỷ giá của NHTM đối với khách hàng cũng đã được điều chỉnh từ +/-5% giảm xuống còn +/-3%. Trong khi đó, thời điểm đầu năm 2009, cụ thể là ngày 24/3/2009, NHNN đã quyết định nới rộng biên độ giao dịch tỷ giá của NHTM với khách hàng từ +/-3% tăng lên +/-5%. Trong thời gian tới NHNN nên điều hành tỷ giá theo hướng ổn định. Bên cạnh đó mặc dù trong

năm 2009, NHNN đã ban hành quy định quản lý chặt chẽ hoạt động của các đại lý thu đổi ngoại tệ, nghiêm cấm việc mua bán ngoại tệ trái phép và kiểm soát chặt chẽ việc niêm yết bán hàng bằng ngoại tệ, song thị trường tự do về ngoại tệ vẫn sôi động và có tỷ giá ở mức khoảng cách khá so với tỷ giá chính thức của NHTM. Vì vậy ngành: quản lý thị trường và một số ngành khác có liên quan cần phối hợp chặt chẽ với Ngành Ngân hàng nhằm tăng cường hơn nữa việc quản lý các đơn vị bán hàng thu bằng ngoại tệ cũng như các bàn thu đổi ngoại tệ được ủy nhiệm của NHTM.

– Tăng cường kiểm soát chất lượng tín dụng một cách có hiệu quả, đảm bảo an toàn hệ thống tài chính tiền tệ, nhất là hoạt động ổn định của các NHTM. Bản thân các NHTM cần rà soát lại các quy định trong quản trị điều hành cũng như hệ thống



kiểm soát nội bộ. Tự bản thân mình đảm bảo an toàn hoạt động của mình là chính. Còn NHNN tiếp tục đổi mới hoạt động thanh tra giám sát, chuyển mạnh sang giám sát rủi ro hoạt động của các NHTM.

– Chính phủ thực hiện các biện pháp phù hợp tiếp tục đổi mới, cơ cấu lại doanh nghiệp, cơ cấu lại nền kinh tế và hệ thống tài chính – ngân hàng. Đặc biệt là cơ cấu lại, làm lành mạnh tình hình tài chính và đổi mới hoạt động của các tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước. Tiếp tục kế hoạch cổ phần hóa, bán, cho thuê doanh nghiệp nhà nước. Đánh giá lại mô hình tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước để có điều chỉnh thích hợp, nhất là việc hạn chế xu hướng mở rộng quá nhiều chức năng trong khi vốn và năng lực quản lý hạn chế. Đồng thời nâng cao trách nhiệm sử dụng vốn của

Nhà nước cấp cho các tập đoàn, tổng công ty nhà nước.

– Các vấn đề khác có liên quan, như kiểm soát thị trường bất động sản, ổn định TTCK và thị trường vàng. Việc NHNN không cho phép NHTM thực hiện lãi suất cho vay thỏa thuận đầu tư vào bất động sản và chứng khoán... kể từ trung tuần tháng 11/2009 là cần thiết để hạn chế rủi ro tín dụng trong lĩnh vực này. Tuy nhiên phản ứng của NHNN, cơ quan chức năng cho phép nhập khẩu vàng trở lại kể từ giữa tháng 11/2009 sau khi giá vàng trong nước lên tới 29 triệu đồng/lượng và luôn có khoảng cách cao hơn so với giá thị trường thế giới được cho là phản ứng kịp thời, có hiệu quả. Song từ thực tế đó cũng cho thấy, các đơn vị chức năng thuộc NHNN cũng cần linh hoạt và chủ động hơn trong việc tham mưu cho ban lãnh đạo điều hành nhạy bén hơn trong thời gian tới.

– Tập trung tháo gỡ sự trì trệ của các dự án đầu tư cơ sở hạ tầng và các dự án khác. Nếu tháo gỡ kịp thời, chỉ đạo kiên quyết tiến độ thực hiện dự án, làm đồng bộ khâu giải phóng mặt bằng, sẽ cho phép giải ngân một lượng lớn số vốn đầu tư của cả ngân sách nhà nước, nguồn vốn khác của chủ dự án, vốn tín dụng ngân hàng, ước tính lên tới hàng nghìn tỷ đồng, thậm chí hàng chục nghìn tỷ đồng. Trong số đó có những dự án kéo dài tới vài năm, thậm chí trên 10 năm đến nay vẫn triển khai ì ạch do công

tác giải phóng mặt bằng. Trên cơ sở đó tạo nhu cầu tiêu thụ khối lượng lớn vật tư, nguyên nhiên vật liệu và tạo số đông việc làm cho người lao động. Một vấn đề quan trọng khác là phát huy hiệu quả vốn đầu tư của dự án tại các giai đoạn trước, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, lưu thông hàng hóa. Đây rõ ràng là một kênh kích cầu rất lớn và có hiệu quả.

– Tăng cường đầu tư cho các dự án xã hội, như trường học, bệnh viện, ký túc xá cho sinh viên, nhà ở cho công nhân, nhà ở cho người có thu nhập thấp từ ngân sách Trung ương, ngân sách địa phương và hủy động các nguồn khác. Tình trạng quá tải của các bệnh viện thời gian qua liên tục được đưa lên công luận. Tình trạng trường học nghèo nàn, nhà ở công vụ cho giáo viên thiếu ở các vùng miền núi cũng hết sức bức xúc. Đặc biệt là tình trạng thiếu nhà ở cho công nhân ngoại tỉnh, thiếu ký túc xá cho sinh viên.

– Tăng cường kiểm soát chống thất thu thuế, gian lận thuế, buôn lậu. Đồng thời kiểm soát các giao dịch nội gián trên TTCK hay các hành vi khác thao túng giá trên thị trường này.

– Cần có sự phối hợp chặt chẽ, đồng bộ hơn nữa trong xây dựng và điều hành CSTC, CSTT, nhất là trong đấu thầu tín phiếu kho bạc, trái phiếu chính phủ, lãi suất của hai hình thức huy động vốn đó cho ngân sách nhà nước; trong quản lý tiền gửi của Kho bạc Nhà nước tại các NHTM, trong xử lý các vấn đề khác

Tài liệu tham khảo

- [www.sbv.gov.vn](http://www.sbv.gov.vn)
- [www.mof.gov.vn](http://www.mof.gov.vn)
- Cổng thông tin của Chính phủ
- Một số nguồn khác

